

Số: 147/QĐ-KCNC

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 5 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc phê duyệt Kế hoạch kiểm tra dự án đầu tư**  
**trong Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh năm 2026**

**TRƯỞNG BAN**  
**BAN QUẢN LÝ KHU CÔNG NGHỆ CAO THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Luật Đầu tư năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 96/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 19/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục thẩm định dự án quan trọng quốc gia và giám sát, đánh giá đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 10/2024/NĐ-CP ngày 01/02/2024 của Chính phủ quy định về Khu Công nghệ cao;

Căn cứ Thông tư số 55/2026/TT-BTC ngày 15/5/2026 của Bộ Tài chính quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam và xúc tiến đầu tư;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BKHĐT ngày 14 tháng 2 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định hướng dẫn về công tác giám sát, đánh giá đầu tư đối với hoạt động đầu tư nước ngoài tại Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 146/2002/QĐ-TTg ngày 24 tháng 10 năm 2002 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 07/2017/QĐ-UB ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 76/QĐ-KCNC ngày 24 tháng 3 năm của Ban Quản lý Khu Công nghệ cao về ban hành Kế hoạch chỉ đạo, điều hành và Chương trình công tác, Danh mục công việc trọng tâm năm 2026;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Quản lý doanh nghiệp tại Tờ trình số 07/TTr-QLDN ngày 30/3/2026 về phê duyệt Kế hoạch kiểm tra dự án đầu tư trong Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh năm 2026,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1:** Phê duyệt Kế hoạch kiểm tra dự án đầu tư trong Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh năm 2026 (đính kèm).

**Điều 2:** Giao Phòng Quản lý Doanh nghiệp chủ trì, đôn đốc các Phòng chuyên môn/Đơn vị trực thuộc Ban Quản lý Khu Công nghệ cao có liên quan tổ chức thực hiện Kế hoạch này.

**Điều 3:** Giao Ban biên tập Website có trách nhiệm đăng tải Quyết định và các phụ lục kèm theo Quyết định này.

**Điều 4:** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 5:** Chánh Văn phòng Ban Quản lý Khu Công nghệ cao, Trưởng các Phòng chuyên môn và các Doanh nghiệp/Nhà đầu tư nêu tại Phụ lục 1 có trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 5;
- Các PTB (để biết);
- Ban biên tập website (để đăng tải thông tin);
- Phòng QLKHCN&HTQT, XTĐT (để thực hiện);
- Phòng QHXDMT (để thực hiện);
- VP (để phối hợp);
- Các Doanh nghiệp nêu tại Phụ lục 1;
- Lưu: VT, P.QLDN.



**Nguyễn Kỳ Phùng**



Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 5 năm 2026

## KẾ HOẠCH

**Tổ chức kiểm tra dự án đầu tư  
trong Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh năm 2026**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số 147/QĐ-KCNC ngày 26/ 5/2026  
của Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh)

Căn cứ Luật Đầu tư năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 96/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 19/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục thẩm định dự án quan trọng quốc gia và giám sát, đánh giá đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 10/2024/NĐ-CP ngày 01/02/2024 của Chính phủ quy định về Khu Công nghệ cao;

Căn cứ Thông tư số 55/2026/TT-BTC ngày 15/5/2026 của Bộ Tài chính quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam và xúc tiến đầu tư;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BKHĐT ngày 14 tháng 2 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định hướng dẫn về công tác giám sát, đánh giá đầu tư đối với hoạt động đầu tư nước ngoài tại Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 146/2002/QĐ-TTg ngày 24 tháng 10 năm 2002 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 07/2017/QĐ-UB ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 76/QĐ-KCNC ngày 24 tháng 3 năm của Ban Quản lý Khu Công nghệ cao về ban hành Kế hoạch chỉ đạo, điều hành và Chương trình công tác, Danh mục công việc trọng tâm năm 2026;

Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh (Ban Quản lý) ban hành Kế hoạch kiểm tra dự án đầu tư trong Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh (Khu CNC) năm 2026 như sau:

## **I. NHIỆM VỤ, MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

- Nhiệm vụ: Thực hiện các quy định nhà nước về quản lý dự án đầu tư theo Luật Đầu tư năm 2025, Nghị định số 96/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026, Nghị định số 19/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026, Nghị định số 10/2024/NĐ-CP ngày 01/02/2024, Thông tư số 02/2022/TT-BKHĐT ngày 14/02/2022.

- Mục đích:

+ Duy trì đảm bảo hiệu quả về công tác quản lý nhà nước trong Khu Công nghệ cao. Hoạt động kiểm tra, giám sát nhằm mục đích kịp thời đôn đốc, hướng dẫn và đưa các dự án đầu tư của doanh nghiệp triển khai đúng nội dung, tiến độ đã cam kết đầu tư.

+ Không ngừng cải tiến, hoàn thiện cơ chế quản lý, giám sát và kịp thời hỗ trợ cho hoạt động phát triển của doanh nghiệp và Khu Công nghệ cao.

- Yêu cầu:

+ Tiếp tục nắm bắt thông tin, tình hình các dự án trong Khu Công nghệ cao; tập trung giải quyết, tháo gỡ các vướng mắc, khó khăn của doanh nghiệp.

+ Đúng thẩm quyền, chức năng, nhiệm vụ, trình tự, thủ tục và trên cơ sở quy định pháp luật.

+ Không quan liêu, chính xác và nghiêm minh.

+ Công khai, minh bạch, không gây cản trở, ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của các cơ quan, tổ chức kinh tế, dự án đang trong quá trình giám sát, đánh giá.

## **II. NỘI DUNG KẾ HOẠCH KIỂM TRA DỰ ÁN ĐẦU TƯ**

**1. Hình thức kiểm tra:** Ban Quản lý lập danh sách và ban hành kế hoạch kiểm tra trực tiếp tại địa chỉ của dự án. Hình thức kiểm tra bao gồm kiểm tra hồ sơ, giấy tờ và kiểm tra hiện trường.

**2. Danh sách đối tượng kiểm tra:** 28 dự án theo phụ lục đính kèm.

**3. Nội dung kiểm tra:**

- Việc thực hiện quy định tại văn bản quyết định hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có);

- Tiến độ thực hiện dự án, gồm tiến độ thực hiện vốn đầu tư, trong đó có vốn vay và tiến độ thực hiện mục tiêu dự án

- Việc đáp ứng điều kiện đầu tư, điều kiện ưu đãi, hỗ trợ đầu tư và việc thực hiện các cam kết của nhà đầu tư (nếu có);

- Việc thực hiện các quy định pháp luật về lao động, môi trường, đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy và các quy định về pháp luật chuyên ngành khác;
- Việc chấp hành quy định về giám sát, đánh giá đầu tư và chế độ báo cáo thống kê theo quy định;
- Việc chấp hành biện pháp xử lý vấn đề đã phát hiện.

#### **4. Về thời gian, địa điểm kiểm tra**

- Thời gian kiểm tra: dự kiến từ ngày 15/6/2026 đến ngày 17/7/2026 theo Danh sách các Doanh nghiệp/Dự án kèm theo Quyết định phê duyệt Kế hoạch kiểm tra này. Trong quá trình thực hiện, tùy tình hình thực tế, Ban Quản lý sẽ có thông báo cụ thể cho phù hợp.

- Địa điểm kiểm tra: Tại địa điểm công ty/văn phòng/nhà xưởng của doanh nghiệp cần kiểm tra.

#### **5. Phương thức thực hiện**

- Thành lập Đoàn kiểm tra, giám sát năm 2026 gồm: 01 Trưởng đoàn (Lãnh đạo Ban Quản lý), 01 Phó Trưởng đoàn (Trưởng phòng Quản lý Doanh nghiệp) và các thành viên kiểm tra gồm nhân sự các phòng Quản lý Doanh nghiệp (Phòng QLDN), Phòng Quy hoạch, Xây dựng và Môi trường (Phòng QHXD&MT), Phòng Quản lý Khoa học Công nghệ và Hợp tác Quốc tế (Phòng QLKHCN&HTQT), Phòng Xúc tiến Đầu tư (Phòng XTĐT).

- Phát hành Thông báo kiểm tra đối với Doanh nghiệp, yêu cầu Doanh nghiệp chuẩn bị báo cáo theo đề cương đính kèm.

- Theo Kế hoạch, lịch làm việc tiến hành kiểm tra tại hiện trường, làm việc trực tiếp với doanh nghiệp.

**6. Đề cương báo cáo:** Theo phụ lục 2a, 2b, 3 đính kèm. Doanh nghiệp quét mã QR bên dưới để tải file word cho báo cáo.

#### **7. Thành phần Đoàn kiểm tra**

- Trưởng đoàn: Lãnh đạo Ban Quản lý KCNC.
- Phó Trưởng đoàn: Trưởng phòng Phòng QLDN.
- Thành viên đoàn:
  - + Phụ trách quản lý dự án, quản lý đầu tư và lao động: đại diện phòng QLDN tối thiểu 02 người/dự án kiểm tra;
  - + Phụ trách quản lý quy hoạch, xây dựng và môi trường: đại diện phòng QHXDMT, tối đa 03 người/dự án kiểm tra;
  - + Phụ trách quản lý KHCN, cam kết R&D: đại diện Phòng QLKHCN&HTQT, tối thiểu 01 người/dự án kiểm tra;



+ Phụ trách quản lý công tác chấp thuận chủ trương đầu tư, điều kiện đầu tư, điều kiện ưu đãi, hỗ trợ đầu tư và cam kết đầu tư: đại diện Phòng XTĐT, tối thiểu 01 người/dự án kiểm tra;

- Thư ký đoàn: 01 người (chuyên viên Phòng QLDN).

- Ngoài ra, có thể bổ sung thêm các nhân sự là đại diện có liên quan của các Sở, ban, ngành (nếu có).

### **8. Trách nhiệm của Đoàn kiểm tra**

- Thực hiện kiểm tra theo nội dung tại Khoản 3 Kế hoạch này.

- Lập Biên bản kiểm tra tại mỗi buổi kiểm tra dự án. Tổng hợp các ý kiến nhận xét của thành viên đoàn kiểm tra và tham mưu đề xuất biện pháp xử lý.

- Phát hành Thông báo kết quả kiểm tra sau đợt kiểm tra gửi cho đơn vị được kiểm tra và các đơn vị phối hợp kiểm tra (nếu có).

- Trong vòng 20 ngày làm việc kể từ khi kết thúc kiểm tra, Trưởng đoàn kiểm tra hoặc đơn vị chủ trì kiểm tra có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo kết quả kiểm tra. Dự thảo báo cáo kết quả kiểm tra phải được gửi lấy ý kiến của các thành viên tham gia Đoàn kiểm tra và cơ quan, đơn vị được kiểm tra trước khi trình cấp có thẩm quyền quyết định. Cơ quan hoặc thành viên được lấy ý kiến phải có văn bản trả lời trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được dự thảo báo cáo kết quả kiểm tra. Quá thời hạn nêu trên, nếu cơ quan chủ trì kiểm tra không nhận được ý kiến phản hồi thì được xem đồng ý với nội dung dự thảo báo cáo kết quả kiểm tra.

- Tùy theo đặc điểm, tình hình của việc kiểm tra, việc thông báo kết quả kiểm tra và kết thúc kiểm tra được thực hiện trong vòng 10 ngày kể từ ngày nhận được báo cáo của Đoàn kiểm tra. Báo cáo kết quả kiểm tra sẽ được công bố công khai theo quy định.

- Tập hợp củng cố hồ sơ vi phạm (nếu có), chuyển hồ sơ cho cấp thẩm quyền xem xét xử lý.

### **9. Trách nhiệm của Tổ chức kinh tế thực hiện dự án**

- Phối hợp và tạo điều kiện cho cơ quan, đơn vị kiểm tra trong quá trình kiểm tra; cử người có thẩm quyền và những người có liên quan làm việc với Đoàn kiểm tra.

- Thực hiện nghiêm túc chế độ thông tin, báo cáo theo yêu cầu của Đoàn kiểm tra. **Đề cương Nhà đầu tư/doanh nghiệp cần chuẩn bị:** Theo phụ lục 2a, 2b, 3 mẫu đính kèm Quyết định này. Thời gian tối thiểu doanh nghiệp chuẩn bị báo cáo và nộp lại Ban Quản lý là trước ngày 10/6/2026.

- Chuẩn bị đầy đủ hồ sơ cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư kể từ ngày cấp lần đầu cho đến lần điều chỉnh mới nhất phục vụ công tác kiểm tra.

- Báo cáo, cung cấp thông tin, tài liệu trung thực; chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung của báo cáo, thông tin và tài liệu cung cấp;
- Chấp hành quyết định của Đoàn kiểm tra;
- Có quyền kiến nghị, giải trình về kết luận của cơ quan kiểm tra, người có thẩm quyền;
- Chịu trách nhiệm về việc không thực hiện hoặc thực hiện không đúng chính sách, pháp luật về đầu tư và các quy định pháp luật có liên quan.

Trên đây là Kế hoạch kiểm tra dự án đầu tư trong Khu CNC năm 2026./.

**BAN QUẢN LÝ KHU CÔNG NGHỆ CAO**



*(Doanh nghiệp thực hiện  
quét mã QR để tải Phụ lục báo cáo)*





## PHỤ LỤC 1

### DANH SÁCH DỰ ÁN KIỂM TRA NĂM 2026

(Ban hành kèm theo Quyết định số ~~147~~/QĐ-KCNC ngày ~~26~~/5/2026 của Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh)

ST T	Tên tổ chức kinh tế thực hiện dự án	Tên dự án	Thời gian kiểm tra	Địa chỉ
1	Công ty TNHH Nidec Việt Nam Corporation	Công ty TNHH Nidec Việt Nam Corporation	08g30 - 11g00 ngày 15/6/2026	Lô I1 đường N2, Khu Công nghệ cao
2	Công ty TNHH Nidec Advanced Motor Việt Nam	Công ty TNHH Nidec Advanced Motor Việt Nam	08h30 - 11g00 ngày 16/6/2026	Lô I 1.3, đường N1, Khu Công nghệ cao
3	Công ty TNHH Nidec Instruments (Việt Nam)	Công ty TNHH Nidec Instruments (Việt Nam)	08g30 - 11g00 ngày 17/6/2026	Lô I, đường N1, Khu Công nghệ cao
4	Công ty TNHH Nidec Precision Việt Nam	Công ty TNHH Nidec Precision Việt Nam	08g30 - 11g00 ngày 18/6/2026	Lô I-1D-1, đường N1, Khu Công nghệ cao
5	Công ty TNHH Nidec Precision Việt Nam	Công ty TNHH Nidec Precision Việt Nam - Dự án thứ 3	08g30 - 11g00 ngày 19/6/2026	Lô I-1D-2, đường N1, Khu Công nghệ cao
6	Công ty TNHH Sài Gòn Allied Technologies	Công ty TNHH Sài Gòn Allied Technologies	08g30 - 11g00 ngày 22/6/2026	Lô I-4, F01, F02, F03, đường N3, Khu Công nghệ cao
7	Công ty Cổ Phần Nhà Máy Wembley Medical	Đầu tư xây dựng nhà máy Wembley Medical	13g30 - 16g00 ngày 23/11/2025 (chiều)	Lô I-10-7, đường D7, Khu Công nghệ cao
8	Công ty TNHH Jabil Việt Nam	Công ty TNHH Jabil Việt Nam	08g30 - 11g00 ngày 24/6/2026	Lô I8-1, đường D8, Khu Công nghệ cao Lô I-3B-1, nhà xưởng số 1, đường N6, Khu Công nghệ cao
9	Công ty Cổ Phần Oristar	Chi nhánh Oristar Corp Hochiminh	13g30 - 16g00 ngày 25/6/2026 (chiều)	Lô I-4B-2.2 đường N3, Khu Công nghệ Cao

ST T	Tên tổ chức kinh tế thực hiện dự án	Tên dự án	Thời gian kiểm tra	Địa chỉ
10	Công ty TNHH Sonion Việt Nam	Công Ty TNHH Sonion Việt Nam	08g30 - 11g00 ngày 26/6/2026	Lô I3-9, đường D1, Khu công nghệ cao
11	Công ty TNHH Giải Pháp Điện Tử T.C Việt Nam	Công ty TNHH Giải pháp điện tử T.C Việt Nam	08h30 – 11g00 ngày 29/6/2026	Lô I-4b-6, đường N3, Khu Công nghệ cao
12	Công ty CP Đầu Tư Và Phát Triển Công Nghệ Thông Minh	Dự án đầu tư Sản xuất thẻ thông minh	13g30 - 16g00 ngày 29/6/2026 (chiều)	Lô I-3b-4a, đường N6, Khu Công nghệ cao
13	Công ty TNHH Averna Việt Nam	Trung tâm kỹ nghệ bán dẫn GES	08g30 - 11g00 ngày 01/7/2026	Lô I3-1, đường D1, Khu Công nghệ cao
14	Công ty TNHH MTV VMR	Trung tâm nghiên cứu phát triển và chế tạo khuôn mẫu độ chính xác cao Viedam	08h30 – 11g00 ngày 02/7/2026	Lô I-4b-5.2, đường N3, Khu Công nghệ cao
15	Chi Nhánh Công ty Cổ Phần Tập Đoàn MK	Trung tâm nghiên cứu, phát triển, sản xuất và cá thể hóa thẻ thông minh MK	08g30 - 11g00 ngày 03/7/2026	Lô I3-3, đường N2, Khu Công nghệ cao
16	Công ty Cổ Phần Thông Minh MK	Trung tâm cá thể hóa, nghiên cứu và phát triển thẻ thông minh MK Smart	13h30 – 16g00 ngày 03/7/2026 (chiều)	Lô I3-3, đường N2, Khu Công nghệ cao
17	Công ty TNHH Thế giới Gen	Công ty TNHH Thế giới Gen	08g30 - 11g00 ngày 06/7/2026	Lô I5-1, đường N7, Khu công nghệ cao
18	Công ty TNHH Citares	Trung tâm đào tạo công nghệ thông tin và tự động hóa - CITARES	13g30 - 14g00 ngày 06/7/2026 (chiều)	Lô E2 - M1, Phân khu E1, Khu Công nghệ cao
19	Công ty Cổ phần CTCBIO Việt Nam	Nhà máy CTCBIO tại TP. Hồ Chí Minh	08g30 - 11g00 ngày 08/7/2026	Lô I5-3a, 3b Khu Công Nghệ Cao

<b>ST T</b>	<b>Tên tổ chức kinh tế thực hiện dự án</b>	<b>Tên dự án</b>	<b>Thời gian kiểm tra</b>	<b>Địa chỉ</b>
20	Công ty TNHH Samil Pharmaceutical	Nhà máy Công ty TNHH Samil Pharmaceutical	13h30 – 16g00 ngày 08/7/2026 (chiều)	Lô I-15-2, đường D15, Khu Công Nghệ Cao
21	Công ty TNHH Hanmega Vina	Thiết kế và sản xuất máy rút tiền tự động ATM	08h30 – 11g00 ngày 10/7/2026	Nhà xưởng T1-4, Lô I-15, đường D12, Khu Công nghệ cao
22	Công ty TNHH Besi Việt Nam	Nhà máy sản xuất của Công ty TNHH Besi Việt Nam	13g30 - 16g00 ngày 10/7/2026 (chiều)	Nhà xưởng số T1.3 Lô I-15-1, Đường D12, Khu Công nghệ cao
23	Công ty TNHH Fab9-EMS Việt Nam	Nhà máy sản xuất PCB, linh kiện & thiết bị điện tử công nghệ cao	08h30 – 11g00 ngày 13/7/2026	Tầng 1, Nhà xưởng số 2, Lô I3B-1, Đường N6, Khu Công nghệ Cao
24	Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ Uncloud - Chi nhánh Thành phố HCM	Nhà máy sản xuất các sản phẩm điện tử Công nghệ cao	13h30 – 16g00 ngày 13/7/2026 (chiều)	Nhà xưởng Block 5, Lô I-3B-1, đường N6, Khu Công nghệ cao
25	Công ty TNHH Goomi Ehwa Vina	Nhà máy sản xuất linh kiện điện tử cho màn hình phân giải cao Goomi Ehwa Vina	08g30 - 11g00 ngày 15/7/2026	Nhà xưởng A6, Lô I-10-2.1, đường D2, Khu Công nghệ cao
26	Chi nhánh Công ty Cổ phần Vieon	Dự án Vieon	13g30 - 16g00 ngày 15/7/2026 (chiều)	Tầng 3, Tòa Nhà Sacom Chíp Sáng, Lô T2-4, đường D1
27	Công ty TNHH Neuromeka Việt Nam	Công ty TNHH Neuromeka Việt Nam	08g30 - 11g00 ngày 17/7/2026	Phòng 03-07, Lầu 3, Tháp văn phòng 1, Tòa nhà OneHub Saigon, Lô C1-2, đường D1
28	Công ty TNHH Misumi Việt Nam	Công ty TNHH Misumi Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	13g30 - 16g00 ngày 17/7/2026 (chiều)	Phòng 208, tầng 2 và Phòng 901 (Tầng 9), tòa nhà Sacom-Chíp sáng, Lô T2-4

**BAN QUẢN LÝ KHU CÔNG NGHỆ CAO**

Phụ lục 2a

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP**

(Đính kèm Quyết định số 147 QĐ-KCNC ngày 26 tháng 5 năm 2026 của Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh)

\* Lưu ý: Dự án trong nước thực hiện báo cáo bằng tiền VNĐ, dự án FDI thực hiện báo cáo bằng tiền USD

**I. THÔNG TIN CHUNG VỀ TỔ CHỨC KINH TẾ, DỰ ÁN**

1. Tên tổ chức kinh tế:.....

Điện thoại liên hệ: ..... Mobile:.....

2. Số GPĐT/GCNĐT/GCNĐKĐT/GCNĐKDN:..... ngày cấp:.....

Các lần Điều chỉnh (nếu có):..... ngày cấp:.....

Tóm tắt nội dung thay đổi mỗi lần Điều chỉnh:.....

Lần 1: Điều chỉnh ....

Trước khi điều chỉnh	Sau khi điều chỉnh
Nội dung 1	
Nội dung 2	

Lần 2: Điều chỉnh....

Trước khi điều chỉnh	Sau khi điều chỉnh
Nội dung 1	
Nội dung 2	

.....

*Yêu cầu: Sao kèm theo các GPĐT/GCNĐT/GCNĐKĐT/GCNĐKDN Điều chỉnh.*

Các nội dung từ mục 3 -9 ghi lại nội dung trong GCNĐKĐT hiện hữu của dự án gồm:

3. Chủ đầu tư (ghi rõ tên từng nhà đầu tư tham gia, tên nước /vùng lãnh thổ):...

4. Trụ sở chính: .....

5. Tên dự án: .....

6. Mục tiêu hoạt động dự án: .....

7. Vốn đầu tư dự án: .....

- Tổng vốn đầu tư đăng ký (USD): .....

- Tổng vốn góp của các nhà đầu tư (USD): .....

Trong đó:

+ Nhà đầu tư .....: góp ..... USD, bằng tiền mặt ..... USD, bằng .... USD, tỷ trọng trong tổng vốn góp;

+ Nhà đầu tư .....: góp ..... USD, bằng tiền mặt ..... USD, bằng .... USD, tỷ trọng trong tổng vốn góp;

- Tiến độ góp vốn cam kết:

- Quy định ưu đãi, hỗ trợ đối với các dự án đầu tư và việc thực hiện các Điều kiện hưởng ưu đãi.

8. Thời hạn hoạt động: ... năm

9. Địa Điểm thực hiện: .....

## II. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN

### 1. Thực hiện các thủ tục hành chính:

- Mã số thuế:.....(ngày cấp).....

- Thủ tục xây dựng:....., Giấy phép xây dựng số: .....(cấp ngày):.....

### 2. Thực hiện vốn đầu tư

2.1. Thực hiện góp vốn của từng nhà đầu tư:

TT	Tên nhà đầu tư	Vốn góp theo GCNĐT	Vốn đã góp		
			Tổng	Chi Tiết	Ngày góp, số chứng từ
1				Tiền mặt: Đất: .....	
2					
	Tổng	.....	.....		

(Đính kèm các tài liệu liên quan đến việc thực hiện góp vốn của Nhà đầu tư trong tổ chức kinh tế: Báo cáo tài chính, hồ sơ chứng từ về việc góp vốn, ...)

2.2. Vốn huy động đã thực hiện, bao gồm: vốn vay (vay tại nước ngoài, vay công ty mẹ, vay tại tổ chức tín dụng Việt Nam) và vốn huy động khác (phát hành cổ phiếu, trái phiếu, từ khách hàng,...):

TT	Tên nhà cho vay (thuộc nước)	Vốn vay (USD)	Ngày vay: Số chứng từ:
1			
2			
	<b>Tổng</b>	.....	

### 3. Tình hình triển khai từng Mục tiêu/ hạng Mục công việc, chi phí đầu tư dự án:



	2023	2024	2025
Công suất thiết kế			
Sản lượng sản xuất, tổng số Trong đó: - -			
Sản lượng tiêu thụ, tổng số Trong đó: - -			

**6. Tình hình kinh doanh, thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với nhà nước:**

*Đơn vị tính:*

*Dự án FDI: USD*

*Dự án trong nước: VNĐ*

TT	Nội dung	2024	2025	Lũy kế (từ khi thành lập)
1	Lợi nhuận trước thuế/ (lỗ)			
2	Nộp thuế, NSNN (tổng số phải nộp)	.....	.....	.....
2.1	- Thuế thu nhập doanh nghiệp			
2.2	- Thuế xuất nhập khẩu			
2.3	- Thuế VAT			
2.4	- Thuế thu nhập cá nhân			
2.5	- Tiền thuê đất, mặt nước sông, biển			
2.6	- Thuế, nộp NS khác (ghi tên thuế)			
2.7	Thuế tài nguyên			
3.	Nộp thuế, NSNN (tổng số đã nộp)			
4.	Nộp thuế, NSNN (tổng số còn nợ đọng, quá hạn)			
5.	Vốn chủ sở hữu của tổ chức kinh tế/dự án			
	<b>Tổng</b>			

**7. Lao động (người):**

**7.1. LAO ĐỘNG TRONG NƯỚC/ NGƯỜI VIỆT NAM**

STT		Tổng số	Số lao động trực tiếp tham gia hoạt động nghiên cứu	Ghi chú
1	Nhà quản lý			
2	Chuyên môn kỹ thuật bậc cao (Trên đại học/Đại học)			

3	Chuyên môn kỹ thuật bậc trung (Trung cấp/Cao đẳng nghề)			
4	Khác: (Chứng chỉ nghề/đào tạo nghề/ sơ cấp nghề/ Lao động phổ thông)			
4.1	Lao động Thời vụ			
	<b>Tổng số</b>			

## 7.2. LAO ĐỘNG LÀ NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

STT		Số lượng	Quốc tịch	Số lao động trực tiếp tham gia hoạt động nghiên cứu	Có Giấy phép lao động
1	Nhà Quản lý				
2	Giám đốc điều hành				
3	Chuyên gia				
4	Lao động kỹ thuật				
5	Khác:				
	<b>Tổng số</b>				

**8. Tình hình chấp hành các quy định về bảo vệ môi trường:** Đề nghị Công ty cung cấp kèm theo một trong các tài liệu sau đây:

- Hồ sơ pháp lý về môi trường: Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường, Giấy phép bảo vệ môi trường đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt (thuộc thẩm quyền Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh hoặc Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức phê duyệt), nội dung đăng ký môi trường (thuộc thẩm quyền Ủy ban nhân dân phường xác nhận) và các hồ sơ thủ tục môi trường khác đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, xác nhận theo quy định.

- Các văn bản chấp thuận thay đổi so với các hồ sơ thủ tục môi trường khác đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, xác nhận theo quy định (nếu có);

- Các văn bản ý kiến về môi trường, Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường của các cơ quan có thẩm quyền (nếu có);

- Các hạng mục đầu tư công trình xử lý chất thải của dự án (quy mô, công suất, năm bắt đầu hoạt động), chi phí lắp đặt và vận hành hàng năm.

- Báo cáo Công tác bảo vệ môi trường định kỳ của dự án.

- Hợp đồng thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải: nước thải, chất thải nguy hại, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, phế liệu,...



(quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất), **việc thực hiện tiến độ sử dụng đất**

Đề nghị chủ đầu tư nêu rõ nguyên nhân, lý do dự án chậm đưa đất vào sử dụng:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

**III. Đánh giá chung về hoạt động của tổ chức kinh tế:**

1. Hiệu quả kinh tế, xã hội của dự án (đến nay và tương lai):

.....

.....

.....

2. Kế hoạch triển khai dự án trong thời gian tới, nêu công việc, tiến độ thời gian:

.....

.....

.....

3. Những vấn đề phát sinh trong quá trình triển khai dự án đầu tư, kiến nghị của tổ chức kinh tế liên quan đến chính sách, pháp luật, cơ chế quản lý của nhà nước.

.....

.....

.....

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT  
CỦA DOANH NGHIỆP**  
Ký tên, đóng dấu

**Người phụ trách nội dung báo cáo:**

Tên:

Chức vụ/Vị trí công tác:

Email:

Điện thoại:

**Phụ lục 2b**

**BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN VIỆC ĐÁP ỨNG NGUYÊN TẮC HOẠT ĐỘNG  
CÔNG NGHỆ CAO CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ TẠI KHU CÔNG NGHỆ CAO  
Năm 2026**

(Đính kèm Quyết định số ~~147~~ **147**/QĐ-KCNC ngày **26** tháng **5** năm 2026  
của Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh)



\* Lưu ý: Dự án trong nước thực hiện báo cáo bằng tiền VNĐ, dự án FDI thực hiện báo cáo bằng tiền USD

**I. THÔNG TIN CHUNG**

**1. Tên Doanh nghiệp:** .....

**2. Loại hình Dự án:**  Việt Nam  FDI

**3. Hình thức đầu tư<sup>1</sup>:** .....

**4. Lĩnh vực hoạt động:**

Vi điện tử - Công nghệ thông tin - Viễn thông

Cơ khí chính xác – Tự động hóa

Công nghệ sinh học áp dụng trong dược phẩm và môi trường

Năng lượng mới – Vật liệu mới – Công nghệ Nano

Khác, cụ thể là: .....

**5. Có Giấy chứng nhận sau (ghi rõ năm được cấp nếu có):**

Giấy chứng nhận Doanh nghiệp Công nghệ cao, cụ thể: .....

Giấy chứng nhận Doanh nghiệp Ứng dụng công nghệ cao, cụ thể: .....

Giấy chứng nhận hoạt động nghiên cứu và phát triển công nghệ cao khi dự án đi vào hoạt động, cụ thể: .....

Giấy chứng nhận Cơ sở ươm tạo công nghệ cao, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao, cụ thể: .....

Giấy chứng nhận Doanh nghiệp Khoa học công nghệ, cụ thể: .....

**6. Có thành lập Quỹ phát triển Khoa học công nghệ không?** (ghi rõ năm thành lập nếu có): .....

**7. Quy mô dự án đầu tư:**

Dự án đầu tư có quy mô vốn đầu tư từ 6.000 tỷ đồng trở lên.

<sup>1</sup> Các loại hình hoạt động công nghệ cao trong khu công nghệ cao được quy định tại Điều 27 Nghị định số 10/2024/NĐ-CP bao gồm: nghiên cứu và phát triển công nghệ cao; ứng dụng công nghệ cao; ươm tạo công nghệ cao, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao; đào tạo nhân lực công nghệ cao; hội chợ, triển lãm, trình diễn công nghệ cao, trình diễn sản phẩm công nghệ cao từ kết quả nghiên cứu, ứng dụng công nghệ cao, chuyển giao công nghệ cao; sản xuất và kinh doanh sản phẩm công nghệ cao; cung ứng dịch vụ công nghệ cao.

- Dự án đầu tư có quy mô vốn đầu tư từ 100 tỷ đồng đến dưới 6.000 tỷ đồng.
- Dự án đầu tư có quy mô vốn đầu tư dưới 100 tỷ đồng.

## II. THÔNG TIN CHUNG VỀ HOẠT ĐỘNG

*Lưu ý: Sau chữ số hàng nghìn, triệu, tỷ phải đặt dấu phân cách là **dấu chấm**; nếu có ghi chữ số sau chữ số hàng đơn vị phải đặt **dấu phẩy** sau chữ số hàng đơn vị*

### 1. Sản phẩm/dịch vụ thực tế cung ứng:

STT	Tên sản phẩm /dịch vụ	Tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng/lưu hành sản phẩm	Số lượng		Doanh thu <sup>2</sup>		Thị trường xuất khẩu	Đánh giá phù hợp với Giấy Chứng nhận đăng ký đầu tư
			Trong nước	Xuất khẩu	Trong nước	Xuất khẩu		
I	<b>Sản phẩm/dịch vụ thực tế cung ứng</b>							
1								
2								
3								
II	<b>Sản phẩm/dịch vụ phát sinh mới trong năm</b>							
1								
2								
3								

**2. Nội dung chi hoạt động nghiên cứu và phát triển của dự án** (bao gồm chi phí cho từng hoạt động nghiên cứu và phát triển của dự án):

#### a) Nội dung hoạt động R&D

STT	Nội dung hoạt động R&D	Kết quả	Chi phí <sup>3</sup>
1	Hoạt động R&D 1:	<i>Báo cáo kết quả của hoạt động R&amp;D, đơn vị phối hợp,...</i>	

<sup>2</sup> Đối với dự án trong nước, đơn vị tính là triệu đồng (triệu VNĐ). Đối với dự án FDI, đơn vị tính là ngàn đô la mỹ (ngàn USD).

<sup>3</sup> Đối với dự án trong nước, đơn vị tính là triệu đồng (triệu VNĐ). Đối với dự án FDI, đơn vị tính là ngàn đô la mỹ (ngàn USD).

2	Hoạt động R&D 2:		
---	------------------	--	--

b) Dây chuyền công nghệ để sản xuất sản phẩm công nghệ cao<sup>4</sup>; máy móc và thiết bị phục vụ nghiên cứu và phát triển<sup>5</sup>

TT	Tên thiết bị	Ký mã hiệu	Đặc tính, tính năng kỹ thuật	Xuất xứ	Năm chế tạo	Mức độ tự động hóa	Đánh giá năm cập nhật công nghệ (đạt/không đạt)	Vị trí thiết bị trên sơ đồ lắp đặt	Số lượng	Tình trạng thiết bị (mới 100% hoặc đã qua sử dụng)	Tính đồng bộ của thiết bị trong dây chuyền công nghệ	Giá trị
<b>I</b>	<b>Máy móc, thiết bị chính trong dây chuyền công nghệ sản xuất sản phẩm</b>										<b>Tổng</b>	
1												
2												
...												
<b>II</b>	<b>Máy móc và thiết bị phục vụ nghiên cứu và phát triển.</b>										<b>Tổng</b>	
1												
2												
...												
	<b>Tổng cộng</b>											

### 3. Kinh phí đầu tư cho nghiên cứu và phát triển<sup>6</sup>:

STT	Nội dung	Giá trị	Ghi chú
1	<b>Chi đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cho nghiên cứu phát triển (khấu hao hàng năm)</b> <b>(Mục 1.1 + 1.2 + 1.3)</b>		

<sup>4</sup> Theo điểm d khoản 1 Điều 32 Nghị định số 10/2024/NĐ-CP và theo dự thảo Thông tư quy định một số tiêu chí dự án đầu tư vào khu công nghệ cao “Dây chuyền công nghệ của dự án đầu tư phải đạt trình độ tiên tiến và được điều khiển theo chương trình. Các thiết bị chính trong dây chuyền công nghệ được cập nhật các công nghệ mới trong lĩnh vực hoạt động của dự án đầu tư cách thời điểm đầu tư không quá 05 năm”.

<sup>5</sup> Theo điểm d khoản 2 Điều 29 Nghị định số 10/2024/NĐ-CP và theo dự thảo Thông tư quy định một số tiêu chí dự án đầu tư vào khu công nghệ cao “Thiết bị, máy móc, dây chuyền công nghệ phục vụ hoạt động nghiên cứu và phát triển được đầu tư đồng bộ, hiện đại, các thiết bị chính được cập nhật các công nghệ mới trong lĩnh vực hoạt động của dự án đầu tư cách thời điểm đầu tư không quá 05 năm”.

<sup>6</sup> Nội dung này đang được sử dụng theo dự thảo Thông tư quy định một số tiêu chí dự án đầu tư vào khu công nghệ cao của Bộ Khoa học và Công nghệ.

STT	Nội dung	Giá trị	Ghi chú
1.1	Chi xây lắp cơ sở nghiên cứu, thí nghiệm, thử nghiệm.		
1.2	Chi mua sắm trang thiết bị nghiên cứu, thí nghiệm, thử nghiệm.		
1.3	Chi mua sản phẩm mẫu, chi mua phần mềm, tài liệu, dữ liệu, thông tin phục vụ nghiên cứu.		
<b>2</b>	<b>Chi cho hoạt động nghiên cứu và phát triển thường xuyên hằng năm (Mục 2.1 + 2.2 + 2.3 + 2.4 + 2.5)</b>		
2.1	Tiền lương và các khoản có tính chất giống lương (thưởng, phụ cấp, khoản chi phí đi lại, công tác phí) cho nhân viên trực tiếp tham gia hoạt động nghiên cứu và phát triển và nhân lực phục vụ hoạt động nghiên cứu và phát triển.		
2.2	Chi hội thảo, hội nghị khoa học có liên quan đến nội dung nghiên cứu và phát triển.		
2.3	Chi thuê cơ sở phục vụ cho nghiên cứu, thí nghiệm, thử nghiệm.		
2.4	Chi phí bảo dưỡng, bảo trì, sửa chữa cơ sở hạ tầng kỹ thuật phục vụ cho hoạt động nghiên cứu và phát triển		
2.5	Các khoản chi thường xuyên khác (chi mua dụng cụ, vật tư, nguyên liệu, vật liệu, hóa chất, năng lượng, thông tin liên lạc, văn phòng phẩm, vật dụng bảo hộ lao động, vật rẻ tiền mau hỏng phục vụ cho nghiên cứu).		
<b>3</b>	<b>Chi phí đào tạo (Mục 3.1 + 3.2 + 3.3)</b>		
3.1	Chi đào tạo dài hạn hoặc ngắn hạn ở trong nước, ở nước ngoài cho nhân lực quy định trực tiếp tham gia hoạt động nghiên cứu và phát triển.		

STT	Nội dung	Giá trị	Ghi chú
3.2	Chi hỗ trợ đào tạo (hoặc cấp học bổng; trang thiết bị, máy móc) cho các tổ chức khoa học và công nghệ tại Việt Nam		
3.3	Các chi phí đào tạo khác phục vụ cho hoạt động nghiên cứu và phát triển của dự án đầu tư.		
4	<b>Phí bản quyền, li xăng<sup>7</sup></b>		
5	<b>Tổng chi nghiên cứu phát triển (Mục 1 + 2 + 3 + 4)</b>		
6	<b>Tổng Doanh thu năm</b>		

\* **Lưu ý:** Những nội dung chi sau đây **không được tính** cho hoạt động nghiên cứu phát triển của dự án đầu tư: (1) Chi phí kiểm tra chất lượng sản phẩm hoặc kiểm tra định kỳ nguyên liệu, vật liệu, nhiên liệu, năng lượng; (2) Chi phí thu thập dữ liệu định kỳ không liên quan đến nghiên cứu; (3) Chi phí điều tra về hiệu quả hoặc nghiên cứu về quản lý; (4) Chi phí nghiên cứu về tiếp thị và quảng cáo bán hàng.

**4. Trình độ lao động và số lao động trực tiếp tham gia hoạt động nghiên cứu - phát triển:**

STT	Nội dung	VN		NN	
		R&D	Khác	R&D	Khác
<b>I</b>	<b>Trình độ lao động của Dự án</b>				
1	Tiến sĩ				
2	Thạc sĩ				
3	Cử nhân/ Kỹ sư				
4	Cao đẳng				
5	Trung cấp/Sơ cấp nghề				
6	Khác (ghi rõ)				
<b>II</b>	<b>Tổng số lao động của Dự án</b>				

<sup>7</sup> Phí bản quyền, li-xăng theo hợp đồng chuyển giao công nghệ thuộc Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển ban hành kèm theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ để phục vụ nghiên cứu và phát triển tại dự án đầu tư được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ (trừ trường hợp pháp luật về chuyển giao công nghệ quy định không bắt buộc phải đăng ký).

**5. Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả:**

.....  
.....  
.....

**6. Hệ thống quản lý chất lượng của dự án:**

.....  
.....  
.....

**7. Tuân thủ các tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật về môi trường trong lĩnh vực hoạt động của dự án đầu tư:**

.....  
.....  
.....

**III. THÔNG TIN HOẠT ĐỘNG TƯƠNG ỨNG VỚI TỪNG LOẠI HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ**

Nhà đầu tư báo cáo chi tiết tại Mẫu báo cáo tương ứng kèm theo tương ứng với loại hình dự án đầu tư:

- Mẫu B1. Loại hình dự án đầu tư nghiên cứu và phát triển công nghệ cao.
- Mẫu B2. Loại hình dự án đầu tư ứng dụng công nghệ cao để sản xuất sản phẩm công nghệ cao.
- Mẫu B3. Loại hình dự án đầu tư ươm tạo công nghệ cao, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao.
- Mẫu B4. Loại hình dự án đầu tư đào tạo nhân lực công nghệ cao.

**IV. KẾT LUẬN**

**1. Tự đánh giá việc đáp ứng nguyên tắc đối với dự án đầu tư thực hiện hoạt động công nghệ cao trong khu công nghệ cao<sup>8</sup>**

STT	Nguyên tắc	Tự đánh giá		Lý do
		Đáp ứng	Không đáp ứng	
1	Mục tiêu và nội dung hoạt động của dự án đầu tư phù hợp với nhiệm vụ của khu công nghệ cao			

<sup>8</sup> Quy định tại Điều 28 Nghị định số 10/2024/NĐ-CP.

STT	Nguyên tắc	Tự đánh giá		Lý do
		Đáp ứng	Không đáp ứng	
	quy định tại khoản 2 Điều 31 Luật Công nghệ cao			
2	Áp dụng các biện pháp thân thiện với môi trường, tiết kiệm năng lượng			
3	Phù hợp với quy hoạch, khả năng cung cấp hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội của khu công nghệ cao và các quy định của pháp luật liên quan			
4	Dự án đầu tư có khả năng tài chính hoặc huy động nguồn lực hợp pháp khác để đáp ứng yêu cầu về nguồn vốn đầu tư xây dựng, duy trì, vận hành dự án; có năng lực công nghệ, năng lực quản lý, đảm bảo việc xây dựng, triển khai dự án đầu tư theo đúng tiến độ, kế hoạch			

**2. Tự đánh giá về việc đáp ứng tiêu chí đối với loại hình dự án đầu tư tại Khu Công nghệ cao/theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư do Ban Quản lý Khu Công nghệ cao cấp (đánh giá riêng đối với từng tiêu chí cụ thể):**

.....

.....

.....

.....

.....

**3. Khó khăn của Nhà đầu tư**

.....

.....

.....

.....

**4. Đề xuất – Kiến nghị của Nhà đầu tư**

.....  
.....  
.....  
.....

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT  
CỦA DOANH NGHIỆP  
Ký tên, đóng dấu**

**Người phụ trách nội dung báo cáo:**

Tên:.....

Chức vụ/Vị trí công tác: .....

Email: ..... Điện thoại:.....

**BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN VIỆC ĐÁP ỨNG TIÊU CHÍ LOẠI HÌNH  
DỰ ÁN ĐẦU TƯ NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ CAO  
TẠI KHU CÔNG NGHỆ CAO  
Năm 20..**

Dự án đầu tư: .....

**1. Hoạt động nghiên cứu và triển khai của dự án đầu tư<sup>9</sup>:**

STT	Nội dung hoạt động	Kết quả/sản phẩm dự kiến	Lĩnh vực	Loại hình nghiên cứu	Thời gian	Chi phí <sup>10</sup> (VNĐ/USD)	Doanh thu (VNĐ/USD)
1	Nội dung thứ 1						
2	Nội dung thứ 2						
...	Nội dung thứ n						
	<b>Tổng số:</b>						

**2. Hoạt động chuyên giao, hợp tác, thương mại, ứng dụng công nghệ cao để tạo ra sản phẩm công nghệ cao và dịch vụ công nghệ cao của dự án đầu tư**

(Báo cáo kèm theo bảng hoạt động chuyên giao công nghệ của dự án đầu tư)

.....  
 .....  
 .....  
 .....

<sup>9</sup> Hoạt động nghiên cứu và phát triển công nghệ cao trong khu công nghệ cao quy định tại khoản 1 Điều 29 Nghị định số 10/2024/NĐ-CP.

<sup>10</sup> Chi phí cho hoạt động nghiên cứu, ứng dụng và triển khai gồm: Chi tiền lương và các khoản có tính chất giống lương (thưởng, phụ cấp, khoản chi phí đi lại, công tác phí) cho nhân lực trực tiếp và gián tiếp nghiên cứu; chi cho chuyên gia; chi hội thảo, hội nghị khoa học có liên quan đến nội dung nghiên cứu; chi thuê cơ sở phục vụ cho nghiên cứu, thí nghiệm, thử nghiệm; chi phí bảo dưỡng, bảo trì, sửa chữa cơ sở hạ tầng kỹ thuật phục vụ cho hoạt động nghiên cứu và phát triển; các khoản chi thường xuyên khác (chi mua dụng cụ, vật tư, nguyên liệu, vật liệu, hóa chất, năng lượng, thông tin liên lạc, văn phòng phẩm, vật dụng bảo hộ lao động, vật rẻ tiền mau hỏng phục vụ cho nghiên cứu).

Những nội dung chi sau đây không được tính cho hoạt động nghiên cứu, ứng dụng và phát triển công nghệ: chi phí kiểm tra chất lượng sản phẩm hoặc kiểm tra định kỳ nguyên liệu, vật liệu, nhiên liệu, năng lượng; chi phí thu thập dữ liệu định kỳ không liên quan đến nghiên cứu; chi phí điều tra về hiệu quả hoặc nghiên cứu về quản lý; chi phí nghiên cứu về tiếp thị và quảng cáo bán hàng.

TT	Tên công nghệ	Xuất xứ (Quốc gia, năm)	Bên giao công nghệ	Bên nhận công nghệ	Tên văn bản thỏa thuận CGCN	Tổng giá trị công nghệ chuyển giao	Hình thức chuyển giao	Sản phẩm của công nghệ chuyển giao	Thời hạn văn bản thỏa thuận CGCN	Sự phù hợp với PL I, QĐ 38/2020/QĐ-TTg	Sự phù hợp với QĐ 2117/QĐ-TTg	Đánh giá theo Nghị định 76/2018/NĐ-CP <sup>11</sup>
1												
2												

**3. Hoạt động tạo ra công nghệ cao, thay thế công nghệ cao nhập khẩu, ứng dụng trong sản xuất sản phẩm công nghệ cao; tạo ra các sản phẩm chủ lực của các ngành kinh tế, thay thế sản phẩm nhập khẩu của dự án đầu tư trong năm**

.....  
 .....  
 .....

**4. Số lượng lao động có trình độ từ đại học trở lên trong tổng số lao động của dự án đầu tư:.....**

(Người tham gia trực tiếp hoạt động nghiên cứu và phát triển có chuyên môn và kinh nghiệm phù hợp với nội dung nghiên cứu và phát triển. Người đứng đầu các nhóm nghiên cứu có các công trình nghiên cứu được công bố trên các tạp chí chuyên ngành về khoa học và công nghệ uy tín hoặc có sáng chế, giải pháp hữu ích đã được cấp bằng hoặc chấp nhận đơn hoặc có công nghệ, sản phẩm công nghệ đã được chuyển giao, đưa vào sản xuất)

**5. Chi phí cho hoạt động nghiên cứu và phát triển hằng năm của dự án**

STT	Nội dung	Giá trị <sup>12</sup>	Ghi chú
1	Tổng chi phí cho hoạt động nghiên cứu và phát triển của dự án đầu tư		
2	Chi phí hoạt động hằng năm của dự án đầu tư		

<sup>11</sup> Nhà đầu tư tự đánh giá cụ thể từng công nghệ thuộc mục nào Phụ lục nào của Nghị định số 76/2018/NĐ-CP.

<sup>12</sup> Đối với dự án trong nước, đơn vị tính là triệu đồng (triệu VNĐ). Đối với dự án FDI, đơn vị tính là ngàn đô la mỹ (ngàn USD).

STT	Nội dung	Giá trị <sup>12</sup>	Ghi chú
3	Tỷ lệ Tổng chi phí cho hoạt động nghiên cứu và phát triển trong chi phí hoạt động hằng năm của dự án đầu tư		

**6. Đánh giá thiết bị, máy móc, dây chuyền công nghệ của dự án đầu tư:**

*(Nhà đầu tư có thể chọn nhiều ô tương ứng)*

Thiết bị, máy móc, dây chuyền công nghệ phục vụ hoạt động nghiên cứu và phát triển được đầu tư đồng bộ, hiện đại, các thiết bị chính được cập nhật các công nghệ mới trong lĩnh vực hoạt động của dự án đầu tư cách thời điểm đầu tư không quá 05 năm.

Các phòng thí nghiệm thực hiện hoạt động nghiên cứu và phát triển tại dự án đầu tư đạt các tiêu chuẩn phòng thí nghiệm Việt Nam và thế giới, cụ thể là: .....

.....

**BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN VIỆC ĐÁP ỨNG TIÊU CHÍ LOẠI HÌNH  
DỰ ÁN ĐẦU TƯ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ CAO ĐỂ SẢN XUẤT SẢN PHẨM  
CÔNG NGHỆ CAO TẠI KHU CÔNG NGHỆ CAO  
Năm 20..**

Dự án đầu tư: .....

**1. Doanh thu từ sản phẩm công nghệ cao thuộc Danh mục công nghệ cao được khuyến khích phát triển ban hành kèm theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ trong tổng doanh thu thuần hàng năm của dự án đầu tư**

STT	Nội dung	Giá trị <sup>13</sup>	Ghi chú
1	Doanh thu từ sản phẩm công nghệ cao		
2	Tổng doanh thu thuần hàng năm		
3	Tỷ lệ doanh thu từ sản phẩm công nghệ cao trong tổng doanh thu thuần hàng năm		

**2. Số lượng lao động đã qua học nghề, đào tạo nghề và Số lao động có trình độ từ cao đẳng trở lên trực tiếp tham gia hoạt động nghiên cứu, phát triển công nghệ, triển khai thực nghiệm, sản xuất thử nghiệm trong tổng số lao động của dự án đầu tư:**

STT	Nội dung	Số lượng	Ghi chú
1	Số lao động đã qua học nghề, đào tạo nghề		Ghi rõ các ngành nghề đào tạo
2	Số lao động có trình độ từ cao đẳng trở lên trực tiếp tham gia hoạt động nghiên cứu, phát triển công nghệ, triển khai thực nghiệm, sản xuất thử nghiệm		
3	Tổng số lao động của dự án đầu tư		
4	Tỷ lệ Số lao động đã qua học nghề, đào tạo nghề trong tổng số lao động của dự án đầu tư		
5	Tỷ lệ Số lao động có trình độ từ cao đẳng trở lên trực tiếp tham gia		

<sup>13</sup> Đối với dự án trong nước, đơn vị tính là triệu đồng (triệu VNĐ). Đối với dự án FDI, đơn vị tính là ngàn đô la mỹ (ngàn USD).

STT	Nội dung	Số lượng	Ghi chú
	hoạt động nghiên cứu, phát triển công nghệ, triển khai thực nghiệm, sản xuất thử nghiệm trong tổng số lao động của dự án		

#### 4. Chi phí hoạt động nghiên cứu và phát triển hằng năm của dự án đầu tư:

STT	Nội dung	Giá trị <sup>14</sup>	Ghi chú
1	Chi phí hoạt động nghiên cứu và phát triển của dự án đầu tư		
2	Giá trị gia tăng tạo ra của dự án đầu tư <sup>15</sup>		
3	Tỷ lệ Chi phí hoạt động nghiên cứu và phát triển trong phần giá trị gia tăng tạo ra của dự án đầu tư		

#### 5. Đánh giá dây chuyền công nghệ của dự án đầu tư:

(Nhà đầu tư có thể chọn nhiều ô tương ứng)

Dây chuyền công nghệ của dự án đầu tư đạt trình độ tiên tiến và được điều khiển theo chương trình.

Các thiết bị chính trong dây chuyền công nghệ được cập nhật các công nghệ mới trong lĩnh vực hoạt động của dự án đầu tư cách thời điểm đầu tư không quá 05 năm.

<sup>14</sup> Đối với dự án trong nước, đơn vị tính là triệu đồng (triệu VNĐ). Đối với dự án FDI, đơn vị tính là ngàn đô la mỹ (ngàn USD).

<sup>15</sup> Giá trị gia tăng tạo ra của dự án đầu tư theo quy định được tính bằng tổng doanh thu thuần trừ đi giá trị đầu vào (là giá trị nguyên vật liệu, linh kiện phục vụ sản xuất nhập khẩu và mua nội địa)

**BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN VIỆC ĐÁP ỨNG TIÊU CHÍ LOẠI HÌNH  
DỰ ÁN ĐẦU TƯ ƠM TẠO CÔNG NGHỆ CAO, ƠM TẠO DOANH NGHIỆP  
CÔNG NGHỆ CAO TẠI KHU CÔNG NGHỆ CAO  
Năm 20..**

Dự án đầu tư: .....

**1. Công nghệ của dự án**

STT	Tên công nghệ	Xuất xứ	Sự phù hợp với QĐ 38/2020/QĐ- TTg	Sự phù hợp với QĐ 2117/QĐ- TTg	Đánh giá theo Nghị định 76/2018/NĐ- CP
1	Tên CN thứ nhất				
2	Tên CN thứ hai				
...	Tên CN thứ n...				

**2. Sản phẩm của dự án**

STT	Tên sản phẩm	Thông số, tiêu chuẩn kỹ thuật, chỉ tiêu chất lượng đối với sản phẩm	Giá trị trên 01 sản phẩm (triệu đồng)	Doanh thu (triệu đồng)	Giá trị gia tăng của sản phẩm (%)	Sự phù hợp với Danh mục
1	Tên SP thứ nhất					
2	Tên SP thứ hai					
...	Tên SP thứ n...					

**3. Hạ tầng kỹ thuật của cơ sở ươm tạo**

a) Hoạt động gắn kết với các cơ sở đào tạo, nghiên cứu như trường đại học, viện nghiên cứu, khu công nghệ cao:

.....  
 .....  
 .....

b) Có diện tích đảm bảo đủ cung cấp cho ít nhất 10 dự án ươm tạo đồng thời

- Đảm bảo, cụ thể là: .....
- Không đảm bảo.

c) Phòng thí nghiệm, phòng sản xuất thử nghiệm được trang bị các thiết bị thiết yếu đảm bảo cho hoạt động nghiên cứu, thử nghiệm sản phẩm. Khuyến khích phòng thí nghiệm đáp ứng các yêu cầu quy định trong Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17025:2007

Đảm bảo, cụ thể là: .....

Không đảm bảo.

d) Phòng hội thảo có sức chứa tối thiểu 25 người, được trang bị đầy đủ các thiết bị hiện đại phù hợp sử dụng tổ chức các hội thảo trong nước và quốc tế, cũng như sử dụng làm phòng họp, làm việc nhóm;

Đảm bảo, cụ thể là: .....

Không đảm bảo.

đ) Có dịch vụ tra cứu cơ sở dữ liệu trong nước và quốc tế, gắn kết với các địa chỉ tra cứu cơ sở dữ liệu như VISTA của Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia

Đảm bảo, cụ thể là: .....

Không đảm bảo.

e) Có các thiết bị văn phòng dùng chung

Đảm bảo, cụ thể là: .....

Không đảm bảo.

#### 4. Đội ngũ quản lý của cơ sở ươm tạo công nghệ cao:

(Đính kèm lý lịch, kinh nghiệm của đội ngũ quản lý của cơ sở ươm tạo công nghệ cao)

STT	Nội dung	Số lượng	Ghi chú
1	Số lượng đội ngũ quản lý của cơ sở ươm tạo công nghệ cao		
2	Số lượng đội ngũ quản lý có Chứng chỉ đào tạo về quản lý ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ, quản lý khoa học và công nghệ		
3	Số lượng đội ngũ quản lý có kinh nghiệm về quản lý liên quan đến hoạt động ươm tạo		

## 5. Đội ngũ chuyên gia tư vấn

(Đính kèm lý lịch, kinh nghiệm của đội ngũ chuyên gia tư vấn của cơ sở ươm tạo công nghệ cao)

STT	Họ tên	Trình độ chuyên môn <sup>16</sup>	Lĩnh vực	Kinh nghiệm	Ghi chú <sup>17</sup>
1			Công nghệ ươm tạo		
2			Sở hữu trí tuệ		
3			Pháp lý		
4			Tài chính		
5			Quản lý và quản trị doanh nghiệp		
6			Marketing		
...					

## 6. Hoạt động liên kết với các cơ sở sản xuất, nghiên cứu, đào tạo phục vụ hoạt động ươm tạo công nghệ cao, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao.

.....

.....

.....

.....

## 7. Kế hoạch kinh doanh phát triển cơ sở ươm tạo công nghệ cao.

.....

.....

.....

## 8. Về hệ thống quản lý an toàn thông tin của cơ sở ươm tạo công nghệ cao<sup>18</sup>:

.....

.....

.....

<sup>16</sup> Trình độ chuyên môn: Có chuyên ngành đào tạo phù hợp với lĩnh vực tham gia tư vấn và đạt trình độ đại học trở lên, sử dụng thành thạo các công cụ phần mềm chuyên dụng trong lĩnh vực tư vấn.

<sup>17</sup> Ghi rõ chuyên gia có nằm trong cơ sở dữ liệu chuyên gia của Bộ Khoa học và Công nghệ hay là chuyên gia tư vấn nước ngoài, chuyên gia người Việt Nam định cư ở nước ngoài.

<sup>18</sup> Khuyến khích cơ sở ươm tạo công nghệ cao đáp ứng các yêu cầu quy định trong Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 27001:2009 về hệ thống quản lý an toàn thông tin.

**BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN VIỆC ĐÁP ỨNG TIÊU CHÍ  
LOẠI HÌNH DỰ ÁN ĐẦU TƯ ĐÀO TẠO NHÂN LỰC CÔNG NGHỆ CAO  
TẠI KHU CÔNG NGHỆ CAO  
Năm 20..**

Dự án đầu tư: .....

**1. Hoạt động đào tạo đội ngũ nghiên cứu, cán bộ quản lý, kỹ thuật viên sản xuất sản phẩm công nghệ cao**

**1.1. Các chương trình đào tạo đã được cấp phép**

STT	Tên ngành	Chương trình đào tạo	Số lượng học viên đào tạo trong năm theo trình độ				Số lượng học viên tốt nghiệp			
			Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học	Khác	Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học	Khác
1										
2										
...										

**1.2. Các chương trình đào tạo dự kiến thực hiện mới (nếu có)**

STT	Tên ngành	Chương trình đào tạo	Thời gian đào tạo	Đối tượng đào tạo	Số lượng tuyển sinh
1					
2					
...					

2. Kết quả thu hút các chuyên gia tình nguyện nước ngoài, chuyên gia là người Việt Nam tham gia hoạt động đào tạo nhân lực công nghệ cao tại Khu Công nghệ cao

STT	Tên chuyên gia	Quốc tịch	Học hàm, học vị	Chuyên ngành, lĩnh vực	Chế độ làm việc (chính thức, kiêm nhiệm, tình nguyện)	Nơi làm việc chính (đối với chuyên gia kiêm nhiệm, tình nguyện)
1						
2						
...						

3. Kết quả thực hiện mục tiêu, lộ trình và kế hoạch phát triển nhân lực công nghệ cao của dự án

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

4. Kết quả hình thành tập thể nghiên cứu khoa học mạnh của cơ sở đào tạo

STT	Tên nhóm nghiên cứu (Tiếng Việt)	Mô tả lĩnh vực nghiên cứu	Thành viên nhóm nghiên cứu (người đứng đầu, thành viên)	Kết quả khoa học và công nghệ nổi bật 5 năm gần đây (Công bố khoa học, đào tạo, đề tài, dự án, chuyển giao công nghệ, hợp tác trong & ngoài nước)
I	Lĩnh vực:.....			
1				
..				



### Phụ lục 3



## **ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO VỀ ĐẤT ĐAI, QUY HOẠCH XÂY DỰNG VÀ MÔI TRƯỜNG**

*(Đính kèm theo Quyết định số 1117/QĐ-KCNC ngày 26 tháng 5 năm 2026  
của Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh)*

### **A. VỀ ĐẤT ĐAI**

1. Nhà đầu tư (tổ chức thuê đất) có văn bản báo cáo:
2. Tiến độ thực hiện dự án (tiến độ thực hiện vốn đầu tư, tiến độ thực hiện mục tiêu dự án, tiến độ thực hiện các thủ tục đầu tư xây dựng của dự án),
3. Nguyên nhân chủ quan/khách quan dẫn đến dự án chậm đưa đất vào sử dụng
4. Tiến độ dự kiến đưa đất vào sử dụng, việc thực hiện các cam kết của nhà đầu tư (nếu có).

#### ***\* Nhà đầu tư (tổ chức thuê đất) cần chuẩn bị***

Hồ sơ, tài liệu chứng minh liên quan đến nội dung kiểm tra và nội dung báo cáo của nhà đầu tư (tổ chức thuê đất) ở trên.

### **B. VỀ QUY HOẠCH XÂY DỰNG**

#### ***\* Nhà đầu tư (tổ chức kinh tế thực hiện dự án) cần chuẩn bị***

Các hồ sơ, tài liệu về quy hoạch và xây dựng có liên quan đến các dự án đầu tư và các dụng cụ, thiết bị cần thiết để phục vụ cho công tác kiểm tra.

### **C. BÁO CÁO TÓM TẮT CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

1. Tên doanh nghiệp: ..... 2.
- Địa chỉ: .....
3. Giấy phép đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: .....
4. Tổng số lao động: .....
5. Hồ sơ pháp lý môi trường: .....
6. Sản phẩm, công suất sản xuất:

STT	Sản phẩm	Công suất hoạt động thiết kế (đơn vị)	Công suất năm 2025 (đơn vị)

7. Quy trình sản xuất: (Liệt kê chi tiết theo dạng sơ đồ khối).

8. Nhu cầu dùng nước, nước thải và biện pháp xử lý của từng nguồn:

STT	Nhu cầu dùng nước		Nước thải phát sinh năm 2025 ( $m^3/ngày.đêm$ )	Biện pháp xử lý (**)
	Công đoạn có sử dụng nước (*)	Lưu lượng ( $m^3/ngày.đêm$ )		

- (\*): Liệt kê chi tiết tất cả các nguồn như: giải nhiệt, sinh hoạt, lò hơi, nước vào sản phẩm, xử lý khí thải, rửa sản phẩm, nấu ăn...

- (\*\*): Nếu không có ghi "Không", nếu có phải nêu cụ thể phương pháp xử lý đang áp dụng.

9. Các nguồn phát sinh bụi, khí thải và biện pháp xử lý:

STT	Các công đoạn sản xuất có phát sinh bụi, khí thải	Lượng khí thải phát sinh năm 2025 ( $m^3/giờ$ )	Biện pháp xử lý (**)	Số lượng ống thải ra môi trường	Quan trắc khí thải tự động, liên tục (ghi rõ thông số)

10. Chất thải rắn thông thường và Chất thải nguy hại:

STT	Loại chất thải	Công đoạn phát sinh	Khối lượng phát sinh năm 2025 (kg/năm)	Đơn vị thu gom	Đơn vị xử lý
<i>Chất thải rắn thông thường</i>					
1	Rác sinh hoạt				
2	CTRCN thông thường				
<i>Chất thải nguy hại</i>					
	...				

11. Những thay đổi so với hồ sơ pháp lý môi trường đã được duyệt: Quy mô, công suất, công nghệ sản xuất hoặc thay đổi khác làm tăng tác động xấu đến môi trường, công nghệ xử lý chất thải, vị trí xả trực tiếp nước thải sau xử lý vào nguồn nước. ....

12. Kế hoạch ứng phó sự cố môi trường: .....

13. Nhân sự phụ trách môi trường

STT	Họ và tên	Điện thoại liên lạc	Email

*\* Lưu ý: Số liệu báo cáo là số liệu thực tế có phát sinh, không ước tính hoặc lấy số liệu từ các hồ sơ môi trường đã đăng ký.*

**Chủ doanh nghiệp**

*(Ký tên, đóng dấu)*

*\* Nhà đầu tư (tổ chức kinh tế thực hiện dự án) cần chuẩn bị*

- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; Giấy đăng ký kinh doanh.

- Hồ sơ pháp lý môi trường: Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường *hoặc* Giấy chứng nhận/Phiếu xác nhận Bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường *hoặc* Giấy xác nhận/Thông báo chấp nhận đăng ký Bản cam kết bảo vệ môi trường *hoặc* Giấy xác nhận đăng ký Kế hoạch bảo vệ môi trường *hoặc* Quyết định phê duyệt/Giấy xác nhận Đề án bảo vệ môi trường; Giấy xác nhận hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường *hoặc* Giấy xác nhận hoàn thành đề án bảo vệ môi trường *hoặc* Giấy phép môi trường *hoặc* Đăng ký môi trường (*kèm theo Bộ hồ sơ*).

- Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại (viết tắt là CTNH); Hợp đồng chuyển giao CTNH (*kèm theo Giấy phép hành nghề của đơn vị vận chuyển, xử lý CTNH*); Chứng từ chuyển giao CTNH (bản chính) năm 2024;

- Hợp đồng chuyển giao chất thải rắn thông thường (chất thải rắn sinh hoạt, phế liệu, chất thải công nghiệp thông thường khác), *kèm theo* Hồ sơ năng lực của đơn vị thực hiện dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường; Biên bản bàn giao chất thải rắn công nghiệp thông thường năm 2024.

- Báo cáo công tác bảo vệ môi trường năm 2025.

- Nhật ký vận hành hệ thống xử lý nước thải, khí thải; sổ theo dõi lưu lượng đầu vào, đầu ra (nếu có).